

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-PT

Ngày: 29-6-2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thường

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hoài Thanh

Ông Võ Công Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kim Phước là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:** Ông Đặng Xuân Nam, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2016/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2016 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2015/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C (NHC); trụ sở: Tòa nhà C, khu B, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông Nguyễn Văn T, Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tuy Phước, trụ sở: Đường T, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 và Giấy ủy quyền số 106/UQ-NHCS ngày 19/8/2013). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị V; trú tại: Thôn G, xã P, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh T; trú tại: Thôn G, xã P, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh Q; trú tại: Thôn G, xã P, huyện P, tỉnh Bình Định.

(Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo quá hạn: Bà Đoàn Thị V là bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2013, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 18/10/2009 Phòng giao dịch NHC huyện P ký hợp đồng vay vốn với vợ chồng bà V, ông T theo chương trình cho vay hộ nghèo 20.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, 24 tháng đầu được hỗ trợ lãi suất 0,32%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay (0,845%/tháng), thời hạn vay 36 tháng; đã trả tiền gốc 7.000.000 đồng và tiền lãi 2.985.767 đồng. Nay yêu cầu vợ chồng bà V, ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 17.161.828 đồng (Trong đó: nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 569.733 đồng, nợ lãi quá hạn 3.592.095 đồng).

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị V trình bày: Bà công nhận như đại diện NHC trình bày là đúng. Nhưng việc vay tiền và trả nợ đều thông qua bà Nguyễn Thị Thanh Q, bà đã giao cho bà Q xong nên khi nào bà Q trả cho bà thì bà trả cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Thống nhất như lời khai của bà V (vợ ông).

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Q trình bày: Năm 2007 bà làm Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội phụ nữ Thôn G. Bà được Phòng giao dịch NHC huyện P ủy quyền làm thủ tục cho chị em vay và thu tiền gốc, lãi trả cho Ngân hàng. Bà công nhận bà đã thu của V 13.000.000 đồng, nhưng bà chưa nộp số tiền đó cho Ngân hàng. Tòa án đã xét xử hình sự buộc vợ chồng bà có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bà V, nên trong vụ án này bà V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch NHC huyện P, bà không còn liên quan gì nữa.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2015/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:*

Buộc vợ chồng bà V, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số nợ vay theo chương trình cho vay hộ nghèo là 17.161.828 đồng, gồm nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 569.733 đồng, nợ lãi quá hạn 3.592.095 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 9 năm 2015, bị đơn bà Đoàn Thị V kháng cáo yêu cầu Tòa buộc bà Q phải trả nợ cho Ngân hàng C 17.161.828 đồng, vì số nợ này bà đã giao cho bà Q

xong để bà Q trả cho Ngân hàng. Kháng cáo quá hạn của bà V đã được Tòa chấp nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà V sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Án sơ thẩm buộc vợ chồng bà V, ông T thanh toán cho Ngân hàng C 17.161.828 đồng; gồm nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 569.733 đồng, nợ lãi quá hạn 3.592.095 đồng là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V. Bồi lẽ:

- Theo hợp đồng vay vốn ngày 18/10/2009 giữa Phòng giao dịch NHCSXH huyện P với vợ chồng bà V, số tiền vay 20.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi với lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, trong 24 tháng đầu được hỗ trợ lãi suất là 0,32%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay 36 tháng, thì chủ thể hợp đồng bên vay là vợ chồng bà V nên vợ chồng bà V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ.

- Mặc khác, Ngân hàng không có ủy quyền bà Q thu tiền, các hộ vay phải trả trực tiếp cho Ngân hàng; nhưng vợ chồng bà V không trả cho Ngân hàng mà giao cho bà Q để bà Q trả cho Ngân hàng là không đúng quy định của hợp đồng vay.

- Hơn nữa, bà Q đã nhận tiền của vợ chồng bà V nhưng không trả cho Ngân hàng đây là quan hệ khác đã được Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2014/HSST ngày 18-11-2014 của Tòa án nhân dân huyện P, đã buộc vợ chồng bà Q trả lại cho vợ chồng bà V số tiền đã nhận là 15.154.433 đồng, phần dân sự của bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và đã được Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng trả lời án xử đúng không có căn cứ kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm.

[2] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì vợ chồng bà V phải chịu 858.000 đồng (17.161.828 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Còn NHC không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của bà V không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì bà V phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà V sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là không đúng hướng dẫn Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc vợ chồng bà Đoàn Thị V, ông Nguyễn Thanh T thanh toán cho Ngân hàng C 17.161.828 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi một nghìn tám trăm hai mươi tám đồng); gồm nợ gốc 13.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 569.733 đồng, nợ lãi quá hạn 3.592.095 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Ngân hàng C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 416.000 đồng (Bốn trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 04103 ngày 06/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

2.2. Vợ chồng bà Đoàn Thị V, ông Nguyễn Thanh T phải chịu 858.000 đồng (Tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Bà Đoàn Thị V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí án dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 09040 ngày 08/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng bà V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thường**